

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TỈNH KẾ DÀI NĂM 2022 SANG NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>A</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TỈNH</b>									
<b>I</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG</b>									
	<i>Điều chỉnh giảm</i>							<b>-42.474,878</b>		
1	Trụ sở làm việc Công an xã Canh Liên	UBND huyện Vân Canh					54,000	-54,000	0,000	
2	Trụ sở làm việc Công an xã Canh Hòa	UBND huyện Vân Canh					54,000	-54,000	0,000	
3	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Quang	UBND huyện Tuy Phước					54,000	-54,000	0,000	
4	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Thắng	UBND huyện Tuy Phước					54,000	-54,000	0,000	
5	Trụ sở làm việc công an xã Hoài Châu	UBND tx Hoài Nhơn					54,000	-54,000	0,000	
6	Trụ sở làm việc Công an xã Canh Vinh	UBND huyện Vân Canh					54,000	-54,000	0,000	
7	Trụ sở làm việc Công an xã Canh Hiến	UBND huyện Vân Canh					54,000	-54,000	0,000	
8	Trụ sở làm việc công an xã Hoài Hải	UBND tx Hoài Nhơn					54,000	-54,000	0,000	
9	Nhà làm việc Ban CHQS xã Cát Nhơn	UBND huyện Phù Cát					133,000	-133,000	0,000	
10	Khu tái định cư phục vụ dự án xây dựng Khu Đô thị - Thương mại phía Bắc sông Hà Thanh	Ban GPMB					171,889	-171,889	0,000	
11	HTKT khu Đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa	Ban QLDA XD DD&CN	21/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	228.808,000	228.808,000		64,487	-64,487	0,000	
12	Cải tạo hang động tự nhiên	BCH QS Tỉnh					120,000	-120,000	0,000	
13	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Sở Y tế					30,000	-30,000	0,000	
14	Trạm kiểm soát biên phòng Mũi Tấn thuộc Đồn biên phòng Cửa khẩu cảng Quy Nhơn	BCH BD Biên Phòng	312/QĐ-SKHĐT; 11/11/2021	5.000,000	5.000,000	5.000,000	1,390	-1,390	0,000	
15	Trạm kiểm soát BP Cát Tiến thuộc Đồn BP Cát Khánh (316)	BCH BD Biên Phòng	313/QĐ-SKHĐT; 11/11/2021	4.895,644	4.895,644	5.000,000	1,341	-1,341	0,000	
16	Phục hồi và QL bền vững rừng phòng hộ (DA JICA2) BĐ	Sở NN&PTNT				2.250,000	20,700	-20,700	0,000	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mỗi giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
17	Xây dựng trụ sở HDND và UBND thị trấn Diêu Trì	UBND huyện Tuy Phước	176/QĐ-SKHĐT; 18/9/2017 113/QĐ-SKHĐT; 17/6/2022	4.910,212	1.207,137	1.207,000	9,270	-9,270	0,000	
18	Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1824/QĐ-UBND; 8/6/2022	59.470,036	9.470,036	10.000,000	4.833,100	-4.833,100	0,000	
19	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng bãi biển QN KV dọc tuyến đường Xuân Diệu và An Dương Vương	UBND tp Quy Nhơn	2373/QĐ-UBND; 17/6/2020	24.059,360	10.592,799	9.713,000	879,513	-879,513	0,000	
20	Trồng cây hoa Anh đào, cây Mai anh đào, cây Phượng tím tại Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng xã Vĩnh Sơn	Sở NN&PTNT	212/QĐ-SKHĐT; 19/7/2021	4.351,988	4.351,988	4.387,000	100,000	-41,667	58,333	
21	Trụ sở làm việc VP Đoàn đại biểu Quốc và Hội đồng nhân dân tỉnh	VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	2537/QĐ-UBND; 11/08/2022 1329/QĐ-UBND; 24/4/2023	94.468,151	94.468,151	75.000,000	22.000,000	-22.000,000	0,000	
22	Nhà làm việc Liên Minh hợp tác xã tỉnh	Liên minh HTX	5072/QĐ-UBND; 20/12/2021	7.000,000	7.000,000	7.000,000	3.000,000	-3.000,000	0,000	
23	Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1257/QĐ-UBND; 19/4/2022	25.000,000	25.000,000	25.000,000	12.500,000	-5.186,521	7.313,479	
24	Cải tạo, sửa chữa nhà khoa Khám Bệnh viện đa khoa tỉnh	BVĐK tỉnh	2329/QĐ-UBND; 27/07/2022	38.846,570	38.846,570	36.000,000	2.500,000	-2.500,000	0,000	
25	Cắm mốc giới bảo vệ các di tích gốc thuộc Khu vực di tích Thành Hoàng Đế, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Sở VH&TT	219/QĐ-SKHĐT; 14/11/2022	660,439	660,439	1.000,000	50,000	-50,000	0,000	
26	Trường Trung học cơ sở Phước Mỹ	UBND tp Quy Nhơn	682/QĐ-UBND; 8/3/2023	22.174,248	5.240,511	2.000,000	1.000,000	-1.000,000	0,000	
27	Làng hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tỉnh Bình Định	Sở Kế hoạch và Đầu tư				9.712,000	200,000	-200,000	0,000	
28	Xây dựng mới Trường THPT để giảm tải Trường THPT Hùng Vương	Sở GD&ĐT				40.000,000	1.000,000	-1.000,000	0,000	
29	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao	Sở VH&TT	3586/QĐ-UBND; 02/11/2022 1792/QĐ-UBND; 23/5/2023	9.852,429	9.852,429	5.800,000	150,000	-150,000	0,000	
30	Tu bổ, tôn tạo di tích Những địa điểm ghi lại tội ác của quân Nam Triều Tiên tàn sát nhân dân từ ngày 02/02/1966 đến ngày 26/02/1966 tại Bình An	Sở VH&TT	1240/QĐ-UBND; 18/4/2023	13.461,322	13.461,322	10.000,000	200,000	-200,000	0,000	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
31	Sửa chữa, tu bổ, khắc phục xuống cấp cơ sở hạ tầng tại di tích Tháp Dương Long và di tích Tháp Cảnh Tiên	Sở VH&TT	370/QĐ-UBND; 28/1/2022	2.099,899	2.099,899	2.100,000	100,000	-100,000	0,000	
32	Chống xuống cấp, tu bổ và phát huy giá trị di tích Quốc gia Tháp Thủ Thiện	Sở VH&TT	390/QDD-UBND; 13/02/2023	5.967,000		5.967,000	250,000	-250,000	0,000	
33	Xây dựng trụ sở làm việc Sở Du Lịch	Sở Du lịch					100,000	-100,000	0,000	
								<b>42.474,878</b>		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối Quốc lộ 1 (Tuyến đường Tài Lương - Ca Công và tuyến đường Bình Chương - Hoài Mỹ), huyện Hoài Nhơn (nay là thị xã Hoài Nhơn)	UBND tx Hoài Nhơn	3990 ngày 28/9/2020, 1250 ngày 18/4/2021	283.852,001	87.951,965	64.762,000		4.390,410	4.390,410	
2	Xây dựng khu tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại núi Cẩm, thôn Chánh Thắng, xã Cát Thành, huyện Phù Cát	UBND huyện Phù Cát	2633/QĐ-UBND ngày 16/8/2022	32.000,000	17.220,000	15.000,000		2.000,000	2.000,000	
3	Xây dựng cầu vượt lư Hiệp Định	UBND huyện Hoài Ân	447/QĐ-UBND 13/02/2022	33.595,000	20.251,000	15.483,000		8.483,000	8.483,000	
4	Đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu Phong Thạnh đến đường ĐT.629	UBND huyện Hoài Ân	2926/QĐ-UBND 09/9/2022	53.196,000	26.255,000	21.000,000	0,000	5.458,000	5.458,000	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu Mục Kiến (ĐT 638) đi trung tâm xã ĐakMang	UBND huyện Hoài Ân	429/QĐ-UBND 11/02/2022	68.524,000	39.631,000	39.631,000		4.611,154	4.611,154	
6	Xây dựng mới nhà làm việc 2A- Trần Phú, TP Quy Nhơn	Văn phòng Tỉnh ủy	3768/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	144.420,000	144.420,000	76.400,000	0,000	4.300,000	4.300,000	
7	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Công Thương Bình Định	Sở Công Thương	Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh	9.937,659	9.937,659	9.000,000	100,000	4.000,000	4.100,000	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mỗi giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
8	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát	TT nước sạch và VSMTNT	Số 1207/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 và số 527/QĐ-NSNT ngày 26/11/2021	66.467,118	64.724,652	64.000,000		9.232,314	9.232,314	
<b>II NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>										
<b>Điều chỉnh giảm</b>										
								<b>-35.390,431</b>		
1	Khu tái định cư phục vụ dự án xây dựng khu Đô thị - Thương mại phía Bắc sông Hà Thanh	TTPT Quỹ đất					7,074	-7,074	0,000	
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	TTPT Quỹ đất					12,051	-3,181	8,870	
3	Đường Ngô Mây Núi Dài	UBND tp Quy Nhơn					10.181,463	-10.181,463	0,000	
4	HTKT Khu đất XN Song mây XK, phân viện điều tra QH rừng NTB và Tây Nguyên	TTPT Quỹ đất					70,961	-70,961	0,000	
5	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất phía Bắc khu Nhà ở xã hội Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	TTPT Quỹ đất					1,913	-1,913	0,000	
6	Đầu tư XD cầu dân sinh và Quản lý tài sản đường địa phương ( LRAMP)	Sở GTVT	Quyết định số 462/QĐ-BGTVT	202.420,000	9.250,000	2.014,000	334,843	-334,843	0,000	
7	Hoàn thiện hiện đại hóa hồ sơ bản đồ địa giới hành chính	Sở Nội vụ	918/QĐ-UBND	21.190,000	17.290,000	6.300,000	258,000	-0,444	257,556	
8	Nâng cấp, sửa chữa nhà thi đấu thể thao tỉnh	Sở VH&TT	269/QĐ-SKHĐT; 30/10/2017 169/QĐ-SKHĐT; 13/7/2020	5.989,905	5.989,905	831,000	302,294	-302,294	0,000	
9	Xây dựng chợ Trung tâm xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh	UBND huyện Vân Canh	76/QĐ-SKHĐT; 09/5/2019 142/QĐ-SKHĐT; 10/5/2021	10.394,184	7.094,000	7.094,000	25,062	-25,062	0,000	
10	CT XD hành lang cầu nối kết nối toàn bộ khoa, phòng, sân vườn đường nội bộ khuôn viên BVĐK tỉnh Bình Định	BVĐK tỉnh	300/QĐ-SKHĐT; 05/11/2020	14.976,357	14.976,357	6.767,000	1.169,033	-247,796	921,237	
11	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định - HM: Cải tạo sửa chữa Nhà mổ thuộc khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	BVĐK tỉnh	29/QĐ-SKHĐT; 22/01/2021	14.778,454	14.778,454	12.691,000	442,506	-232,733	209,773	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mỗi giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
12	Trạm kiểm dịch động vật Cù Mông	Sở NN&PTNT	267/QĐ-SKHĐT; 20/10/2020 191/QĐ-SKHĐT; 22/6/2021	4.505,977	4.505,977	3.140,000	29,000	-4,894	24,106	
13	BVĐK KV Bồng Sơn, HM: SC, cải tạo, NC khoa phụ sản, khoa Nhi	Sở Y tế	32/QĐ-SKHĐT; 14/3/2022	14.958,951	14.958,951	4.391,000	336,436	-229,679	106,757	
14	Trồng cây hoa Anh đào, cây Mai anh đào, cây Phượng tím tại Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng xã Vĩnh Sơn	Sở NN&PTNT	212/QĐ-SKHĐT; 19/7/2021	4.351,988	4.351,988	4.387,000	81,746	-81,746	0,000	
15	Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm y tế thành phố Quy Nhơn	Sở Y tế	3729/QĐ-UBND 10/10/2017; 3455/QĐ-UBND 21/8/2020	81.360,000	11.589,000	11.589,000	5.543,081	-5.178,768	364,313	
16	Xây dựng, cải tạo trụ sở làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở TN&MT	240/QĐ-SKHĐT; 16/8/2021 70/QĐ-SKHĐT; 06/05/2022	6.377,981	6.377,981	6.058,000	463,953	-273,525	190,428	
17	Trạm Y tế Thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước	UBND huyện Tuy Phước	60/QĐ-SKHĐT; 24/2/2021	3.700,097	1.556,681	1.660,000	1.000,000	-1.000,000	0,000	
18	Ứng dụng CNTT trong HĐ các cơ quan Đảng, GD 2021 - 2025 (lưu trữ lịch sử Đảng)	VP Tỉnh ủy	156/QĐ-SKHĐT; 26/5/2021	11.505,687	11.505,687	11.537,000	1.100,000	-1.100,000	0,000	
19	Trụ sở làm việc Trạm Kiểm lâm Đồng Le, huyện Tây Sơn	Sở NN&PTNT	258/QĐ-SKHĐT; 07/9/2021	1.148,330	1.148,330	1.030,000	10,602	-10,602	0,000	
20	Cải tạo cơ sở thực hành số 20 Trần Thị Kỳ, An Nhơn thuộc Trường cao đẳng BĐ	Trường CĐ Bình Định	153/QĐ-SKHĐT; 24/5/2021 45/qđ-skhdt; 04/04/2021	8.269,111	8.269,111	8.500,000	313,099	-313,099	0,000	
21	Trạm Kiểm lâm Bắc sông Kôn	Sở NN&PTNT	256/QĐ-SKHĐT; 31/10/2019	947,581	947,581	902,000	3,749	-3,749	0,000	
22	XD tuyến đường Ven Biển (ĐT 639) đoạn từ QL 1D đến - QL 19 mới	Ban QLDA GT tỉnh	2914/QĐ-UBND; 08/9/2022	1.490.101,151	890.101,151	250.000,000	19.439,063	-22,644	19.416,419	
23	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng của mô hình Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025	Sở TTTT	4003/QĐ-UBND; 30/9/2021	27.000,000	27.000,000	27.000,000	94,728	-94,728	0,000	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mỗi giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
24	Sửa chữa nhà làm việc 2B Trần Phú	VP Tỉnh ủy	236/QĐ-SKHĐT; 10/8/2021	14.886,475	14.886,475	14.892,000	457,432	-457,432	0,000	
25	Khắc phục, SC đảm bảo đi lại tuyến đường Canh Thuận Canh Liên, Văn Canh	Sở GTVT	160/QĐ-SKHĐT; 31/5/2021	10.998,849	7.498,849	7.311,289	0,973	-0,973	0,000	
26	Trường Chính trị tỉnh (Khu hiệu bộ, Trang thiết bị, Hội trường 3 tầng, Khu nội trú, sân trường..)	Trường Chính trị tỉnh	807/QĐ-UBND; 15/3/2022	11.500,000	11.500,000	11.500,000	3.500,000	-710,603	2.789,397	
27	Sửa chữa, chống thấm dột sàn, thay mái tôn và sửa chữa khu vệ sinh các khoa Ngoại TN, Ngoại TH, Ngoại CT - bông và khoa UB khu nhà 300 giường thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh	BVĐK tỉnh	227/QĐ-SKHĐT; 29/11/2022	3.353,930	3.353,930	3.185,000	0,225	-0,225	0,000	
28	Cải tạo sửa chữa nhà 04 Trần Phú	VP Tỉnh ủy	3866/QĐ-UBND; 22/11/2022	11.218,954	11.218,954	7.000,000	1.000,000	-1.000,000	0,000	
29	Hỗ trợ đầu tư hợp tác bên Lào	Sở Kế hoạch và Đầu tư				7.500,000	1.500,000	-1.500,000	0,000	
30	SC, NC nhà làm việc Văn Phòng Tỉnh Ủy - 102 Nguyễn Huệ	VP Tỉnh ủy	1172/QĐ-UBND; 12/4/2023	30.234,345	30.234,345	30.000,000	5.000,000	-5.000,000	0,000	
31	Ứng dụng công nghệ thông tin các cơ quan Đảng 2021-2025 ( DA 27)	VP Tỉnh ủy	3715/QĐ-UBND; 10/11/2022	34.676,000	34.676,000	34.000,000	7.000,000	-7.000,000	0,000	
<b>Điều chỉnh tăng</b>								<b>35.390,431</b>		
1	Dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đề Gi - Mỹ Thành	Ban QLDA GT	3917/QĐ-UBND; 29/10/2019 3756/QĐ-UBND; 10/9/2021 3674/QĐ-UBND; 08/11/2022	611.654,000	355.273,000	310.000,000		4.390,431	4.390,431	
2	Dự án Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Văn	Ban QLDA GT	4486/QĐ-UBND; 30/10/2020	519.798,934	519.798,934	445.199,000	24.109,103	16.000,000	40.109,103	
3	Dự án Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	Ban QLDA GT	3833/QĐ-UBND; 16/9/2021 2768/QĐ-UBND; 26/8/2022 3191/QĐ-UBND; 2/10/2022	786.082,279	386.082,279	265.927,000	7.291,753	10.000,000	17.291,753	
4	Dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định	Ban QLDA GT	3885/QĐ-UBND; 23/11/2022 29/NQ-HĐND; 14/7/2023	1.171.000,000	371.000,000	211.995,000	0,000	5.000,000	5.000,000	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>III VỐN XỔ SỐ KIẾN THIẾT</b>										
<i>Điều chỉnh giảm</i>										
1	Sửa chữa, CT Khoa sản và khoa nhi sơ sinh thuộc BVĐK tỉnh BĐ	BVĐK tỉnh	172/QĐ-SKHĐT; 22/7/2020	12.622,297	12.622,297	7.012,000	3,378	-3,378	0,000	
2	Trường mầm non Canh Liên (HM: Xây dựng 03 phòng học; Nhà hiệu bộ; Nhà ăn; nhà bếp; Khu vệ sinh; Sân bê tông - Công nghệ, tường rào)	UBND huyện Văn Canh	250/QĐ-SKHĐT; 30/8/2021	6.352,781	3.205,818	7.190,000	1.500,000	-954,602	545,398	
3	Cải tạo, sửa chữa khu nhà Nội - Nhi Bệnh viện đa khoa tỉnh	BVĐK tỉnh	225/QĐ-SKHĐT; 24/11/2022	14.995,000	14.995,000	14.995,000	2.495,923	-17,363	2.478,560	
<i>Điều chỉnh tăng</i>										
1	Trường THCS Cát Tài, hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	UBND huyện Phù Cát	2549/QĐ-UBND ngày 26/6/2020	6.622,000	2.875,000	2.875,000		92,000	92,000	
2	Dự án Xây dựng, sửa chữa Trung tâm GDNN Bình Định	Sở LĐ, TB, XH	180/QĐ-SKHĐT ngày 03/10/2022	13.789,000	13.789,000	13.056,000		883,343	883,343	
<b>IV NGUỒN HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH TỈNH</b>										
<i>Điều chỉnh giảm</i>										
1	Đầu tư XD HTKT khu TDC HH1, HH2 tại KV 1 P.Trần Quang Diệu TP QN	TTPT Quy đất					41,304	-41,304	0,000	
2	Các công trình hạ tầng phát triển quỹ đất và các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh	Hết nv					2.151,800	-2.151,800	0,000	
<i>Điều chỉnh tăng</i>										
1	Mở rộng nâng cấp Bảo tàng Quang Trung, hạng mục: Khu đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt	Ban QLDA DD & CN	252/QĐ-UBND ngày 23/12/2020; 765/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 và 199/QĐ-BQLDA ngày 03/10/2022	59.696,000	59.696,000	14.760,000		2.193,104	2.193,104	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mỗi giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
V	Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp									
	<i>Điều chỉnh giảm</i>							<b>-9.097,799</b>		
1	Trụ sở làm việc Công an xã Canh Liên	UBND huyện Văn Canh					1.140,000	-1.140,000	0,000	
2	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Quang	UBND huyện Tuy Phước					513,000	-513,000	0,000	
3	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Thắng	UBND huyện Tuy Phước					513,000	-513,000	0,000	
4	Tuyến đường Quốc lộ 19 (cảng QN đến giao Quốc lộ 1A)	Ban QLDA GT	2000/QĐ-UBND; 18/9/2012 1373/QĐ-UBND; 24/4/2018	4.410.816,000	1.323.816,000	967.360,114	5,165	-5,165	0,000	
5	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	TTPT Quỹ đất					22,380	-22,380	0,000	
6	Đường ven biển DT 639 đoạn từ Cát tiến đến Đê Ghi	Ban QLDA GT	1338/QĐ-UBND; 18/4/2019 3975/QĐ-UBND; 25/9/2020 905/QĐ-UBND; 23/3/2022	1.355.000,000	1.147.321,000	696.747,000	500,059	-40,973	459,086	
7	HTKT Khu đất XN Song mây XK, phân viện điều tra QH rừng NTB và Tây Nguyên	TTPT Quỹ đất					18,774	-18,774	0,000	
8	Đường điện biên phủ nối dài đến khu đô thị Diêm Vân	Ban QLDA GT	4486/QĐ-UBND; 30/10/2020	519.798,934	519.798,934	445.199,000	12.019,094	-2,326	12.016,768	
9	Sửa chữa Sân Vận động Quy Nhơn	Sở VH&TT	3472/QĐ-UBND; 20/8/2021	18.136,811	18.136,811	18.136,000	1,695	-1,695	0,000	
10	Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định	Ban QLDA GT	3885/QĐ-UBND; 23/11/2022	795.558,661	795.558,661	211.995,000	3,116	-3,116	0,000	
11	Trụ sở làm việc Công an xã Vĩnh An - Tây Sơn	UBND huyện Tây Sơn					1.140,000	-1.110,954	29,046	
12	Trụ sở làm việc Công an xã Tây Thuận - Tây Sơn	UBND huyện Tây Sơn					718,000	-718,000	0,000	



STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mỗi giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
13	Trụ sở làm việc Công an xã Bình Thuận - Tây Sơn	UBND huyện Tây Sơn					718,000	-718,000	0,000	
14	Trụ sở làm việc công an xã Mỹ Thọ	UBND huyện Phù Mỹ					513,000	-513,000	0,000	
15	Trụ sở làm việc công an xã Mỹ Quang	UBND huyện Phù Mỹ					513,000	-513,000	0,000	
16	Trụ sở làm việc công an xã Mỹ Cát	UBND huyện Phù Mỹ					513,000	-513,000	0,000	
17	Trụ sở làm việc công an xã Mỹ Thắng	UBND huyện Phù Mỹ					513,000	-513,000	0,000	
18	Trụ sở làm việc Công an xã Canh Vinh	UBND huyện Vân Canh					1.140,000	-1.007,416	132,584	
19	Trụ sở làm việc công an xã Nhơn Hậu	UBND tx An Nhơn					513,000	-513,000	0,000	
20	Trụ sở làm việc Công an xã Bình Thành	UBND huyện Tây Sơn					718,000	-718,000	0,000	
	<b>Điều chỉnh tăng</b>							<b>9.097,799</b>		
1	Dự án Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	Ban QLDA GT	3833/QĐ-UBND; 16/9/2021 2768/QĐ-UBND; 26/8/2022 3191/QĐ-UBND; 2/10/2022	786.082,279	386.082,279	265.927,000		9.097,799	9.097,799	